

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V,  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Phạm Xuân Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 475/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1991  
Hộ khẩu thường trú: Xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.  
Địa chỉ: đường A, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988  
Địa chỉ: đường C, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Bích H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Ngọc M có thời gian tìm hiểu 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 30-12-2014 tại UBND Xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống tại địa chỉ đường C, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chung sống được khoảng 02 tháng thì chị phát hiện anh M có tin nhắn tình cảm với người khác. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên từ tháng 5 năm 2015 chị chuyển về thị xã A, tỉnh Bình Định sống

cùng bố mẹ đẻ. Khi đó chị đang có bầu và đến ngày 12-01-2016, chị sinh cháu Nguyễn Gia L. Quá trình ly thân anh M có hứa là sẽ thay đổi, vì muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nên đến tháng 10-2017 chị chuyển về thành phố V sống lại với anh M. Sống được 01 tháng chị thấy anh M vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên qua lại với người phụ nữ khác nên chị và cháu L chuyển ra ngoài sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân, hai bên có gặp gỡ nói chuyện để hòa giải nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh M có một con chung là cháu Nguyễn Gia L sinh ngày 12-01-2016. Chị có nguyện vọng nuôi con. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Theo bản tự khai ngày 26-8-2020 và tại phiên tòa hôm nay, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 06-8-2020, bị đơn anh Nguyễn Ngọc M trình bày:*

Anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Bích H. Anh và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Gia L sinh ngày 12-01-2016. Anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi, anh cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên do bận công việc đi làm xa nên anh M làm đơn xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị Bích H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V. Do vụ án không có tranh chấp về tài sản và các quy định tại khoản 2 điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố V không tham gia phiên xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và bị đơn đã có bản tự khai, có Đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Ngọc M kết hôn tại UBND Xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 30-12-2014 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M thì thấy: Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M có người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tháng 5 năm 2015 chị chuyển về thị xã A, tỉnh Bình Định sống cùng bố mẹ đẻ. Sau đó vì muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nên đến tháng 10 năm 2017 chị chuyển vào thành phố V sống lại với anh M. Nhưng sau đó anh M vẫn không thay đổi, thường xuyên qua lại với người phụ nữ khác nên chị và con chuyển ra ngoài sinh sống. Vợ chồng chị ly thân từ cuối năm 2017 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho chị H và anh M giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả vì anh M không tới Tòa làm việc. Anh M cũng có bản tự khai với nội dung đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Qua đó, có thể thấy giữa anh M và chị H có xảy ra mâu thuẫn, anh M cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với anh M, từ cuối năm 2017 hai bên không còn sống chung và đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Như vậy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh M là có thật. Từ cuối năm 2017 cho đến nay, chị H và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp.

#### [2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Ngọc M có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Gia L sinh ngày 12-01-2016, hiện đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu L. Xét thấy, cháu L hiện đang sống ổn định với chị H, anh M cũng đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu L nên giao cháu L cho chị H được trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây chị H yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), nay chị H yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng); anh M cũng tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Về án phí cấp dưỡng định kỳ: Anh Nguyễn Ngọc M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích H đối với anh Nguyễn Ngọc M.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia L sinh ngày 12-01-2016 cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001892 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Chị H đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng định kỳ: Anh Nguyễn Ngọc M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP.V;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP.V;
- Các đương sự;
- UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Mai Thu Trang**